

NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG MỨC SỐNG DÂN CƯ TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2010 – 2020

Nguyễn Thanh Mai

Khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Tóm tắt. Tỉnh Thái Nguyên thuộc vùng Trung du miền núi phía Bắc, trong hơn mười năm trở lại đây nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống dân cư ngày một được nâng cao. Tuy nhiên, tình trạng phân hóa giàu nghèo có xu hướng tăng, mức sống của bộ phận người dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa gặp nhiều khó khăn. Bài viết này tập trung nghiên cứu thực trạng mức sống dân cư của tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2010 - 2020 thông qua vận dụng phương pháp nghiên cứu phân tích vấn đề, tổng hợp, so sánh, phương pháp thang điểm tổng hợp trên cơ sở dữ liệu chính thống.

Từ khóa: thực trạng, mức sống dân cư, tỉnh Thái Nguyên, phân hoá giàu nghèo, giai đoạn 2010 – 2020.

1. Mở đầu

Mức sống dân cư (MSDC) là vấn đề được rất nhiều các nhà khoa học quan tâm. Đây là nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển con người của hầu hết các quốc gia trên thế giới. MSDC là một phạm trù kinh tế - xã hội được xác định bằng mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong xã hội. Việc nghiên cứu MSDC có ý nghĩa nhiều mặt vì đây là cơ sở hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia, theo dõi, giám sát việc thực hiện các mục tiêu giảm nghèo, nâng cao mức sống, đảm bảo an sinh xã hội.

Nghiên cứu thực trạng MSDC dựa trên tổng hợp các nhóm chỉ tiêu như nhóm chỉ tiêu về kinh tế: GDP/người (GRDP/ người đối với cấp tỉnh), thu nhập bình quân đầu người/tháng, chênh lệch giữa 20% hộ có thu nhập cao nhất với 20% hộ có thu nhập thấp nhất, tỉ lệ hộ nghèo; nhóm chỉ tiêu về giáo dục – đào tạo: tỉ lệ nhập học tổng hợp, khoảng cách từ nhà đến trường; nhóm chỉ tiêu về y tế - chăm sóc sức khỏe: số bác sĩ/1 vạn dân, số giường bệnh/1 vạn dân, khoảng cách từ nhà đến cơ sở y tế và nhóm chỉ tiêu hỗ trợ: tỉ lệ hộ sử dụng điện, tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố...

Hiện nay, trên phạm vi cả nước đã có nhiều công trình nghiên cứu về MSDC, đáng chú ý có một số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành như: *Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập: lí thuyết và thực tiễn Việt Nam* của tác giả Lê Quốc Hội [1]; *Tăng trưởng kinh tế với nâng cao mức sống dân cư: lí luận và thực tiễn Việt Nam* của tác giả Nguyễn Thị Thơm [2]; *Nâng cao mức sống dân cư trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: Thành tựu và những thách thức đặt ra* của các tác giả Nguyễn Hồng Sơn và Trần Quang Tuyền [3]. Một số bài báo nghiên cứu thực trạng MSDC ở các địa phương cụ thể ở Việt Nam đáng chú ý như: Sự phân hoá MSDC theo tiểu vùng ở Bình Định [4] và *Developing indicators*

Ngày nhận bài: 2/3/2022. Ngày sửa bài: 29/4/2022. Ngày nhận đăng: 7/5/2022.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thanh Mai. Địa chỉ e-mail: maint@tnue.edu.vn

and methods for evaluation of the people's living standards in Binh Dinh province [5] của tác giả Nguyễn Đức Tôn, *Phân tầng mức sống giữa các nhóm dân cư trong quá trình đô thị hóa (Nghiên cứu trường hợp phường Cát Lái, quận 2, TPHCM)* của tác giả Hà Thúc Dũng, Lê Thị Mỹ [6].

Qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy chưa có bài báo nào viết về MSDC tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, nội dung bài báo góp phần làm rõ thực trạng MSDC theo các nhóm chỉ tiêu cụ thể để thấy được sự thay đổi MSDC theo hướng tích cực và làm rõ sự phân hoá MSDC của người dân tỉnh Thái Nguyên trong thời gian 10 năm trở lại đây.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Dữ liệu nghiên cứu

Bài báo nghiên cứu thực trạng MSDC tỉnh Thái Nguyên tập trung trong giai đoạn 2010 - 2020. Tác giả sử dụng dữ liệu thứ cấp, được khai thác từ các số liệu thống kê của Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên, giáo trình, sách, bài báo và tài liệu tham khảo có liên quan đến vấn đề nghiên cứu.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng kết hợp một số phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp xử lý, phân tích dữ liệu; phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phương pháp thang điểm, trên cơ sở những tài liệu thu thập có liên quan đến mức sống dân cư, đưa ra những phân tích đánh giá khách quan, khoa học về thực trạng mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Thực trạng mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên

Là một tỉnh thuộc vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Thái Nguyên có tọa độ từ 20°20'B đến 22°25'B, 105°25'D đến 106°16'D; phía Bắc giáp tỉnh Bắc Kạn, phía Đông giáp các tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang, phía Nam giáp thủ đô Hà Nội và phía Tây tiếp giáp tỉnh Tuyên Quang và Vĩnh Phúc. Diện tích tự nhiên của tỉnh Thái Nguyên là 352.664 ha, diện tích nhỏ nhất so với các tỉnh của vùng Trung du và miền núi phía Bắc (chiếm 1,06% diện tích cả nước). Tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính: Thành phố Thái Nguyên, Thành phố Sông Công, Thành phố Phổ Yên và 06 huyện Đồng Hỷ, Phú Bình, Đại Từ, Phú Lương, Định Hóa và Võ Nhai, bao gồm 10 thị trấn, 30 phường và 140 xã.

Thái Nguyên là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội có ý nghĩa lớn của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, có vị trí địa lý cách Hà Nội - thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hơn 60 km về phía Nam qua tuyến đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên; cách Lạng Sơn là tỉnh có nhiều cửa khẩu quốc tế 160 km về phía Đông Bắc qua tuyến đường quốc lộ 1B; cách Hải Phòng - cảng biển quốc tế lớn nhất cả nước với khoảng cách 180km. Như vậy, có thể coi Thái Nguyên như là cửa ngõ phía Nam quan trọng để kết nối vùng Trung du miền núi phía Bắc với thủ đô Hà Nội, với vùng Đồng bằng sông Hồng và các vùng khác trong nước. Vị trí địa lý trên đã tạo cho tỉnh Thái Nguyên có nhiều thuận lợi trong việc thông thương, buôn bán, giao lưu kinh tế, trao đổi hàng hóa, mở rộng thị trường và tăng cường các mối liên kết không gian, tạo động lực góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, nâng cao và cải thiện mức sống cho người dân.

Thực trạng MSDC tỉnh Thái Nguyên được thể hiện qua các tiêu chí như sau:

2.2.1. Nhóm chỉ tiêu kinh tế

Trong giai đoạn 2010-2020, quy mô GRDP và GRDP/người của tỉnh Thái Nguyên tăng liên tục. Về quy mô GRDP, tỉnh Thái Nguyên tăng gấp 4,87 lần, tăng từ 23,8 nghìn tỉ đồng năm 2010 lên 116,0 nghìn tỉ đồng năm 2020 (theo giá hiện hành). Về GRDP/người, tỉnh Thái

Nguyên từ 21,0 triệu đồng/người tăng lên 88,7 triệu đồng năm 2020 (tăng gấp 4,2 lần), cao hơn 1,2 lần GRDP/người của cả nước (64,5 triệu đồng/người). So sánh với 14 tỉnh của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, về GRDP tỉnh Thái Nguyên đứng thứ hai (sau tỉnh Bắc Giang với 120,4 nghìn tỉ đồng) và về GRDP/người tỉnh Thái Nguyên dẫn đầu toàn vùng; gấp 3,0 lần GRDP/người tỉnh Hà Giang (tỉnh có GRDP/người thấp nhất 29,4 triệu đồng). Đạt được thành tựu trên là nhờ tỉnh thực hiện chính sách thu hút vốn đầu tư cùng cơ chế thông thoáng. Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI vào lĩnh vực công nghiệp – xây dựng điển hình là tập đoàn Samsung đã thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho lao động, tạo điều kiện nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. [8]

Thu nhập bình quân đầu người (TNBQĐN)

Trong 10 năm qua, TNBQĐN/tháng của người dân tỉnh Thái Nguyên cũng như vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước đều tăng liên tục. Tuy nhiên, mức tăng có sự khác nhau.

Bảng 1. TNBQĐN/tháng của tỉnh Thái Nguyên, vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước giai đoạn 2010-2020 (triệu đồng) (giá hiện hành)

TT	Năm Vùng	2010	2012	2014	2016	2018	2020
1	Cả nước	1,39	2,0	2,64	3,1	3,87	4,23
2	Trung du và miền núi phía Bắc	0,90	1,26	1,61	1,96	2,45	2,75
3	Thái Nguyên	1,15	1,75	2,24	3,00	4,00	3,81

(Nguồn: tác giả xử lý từ [7])

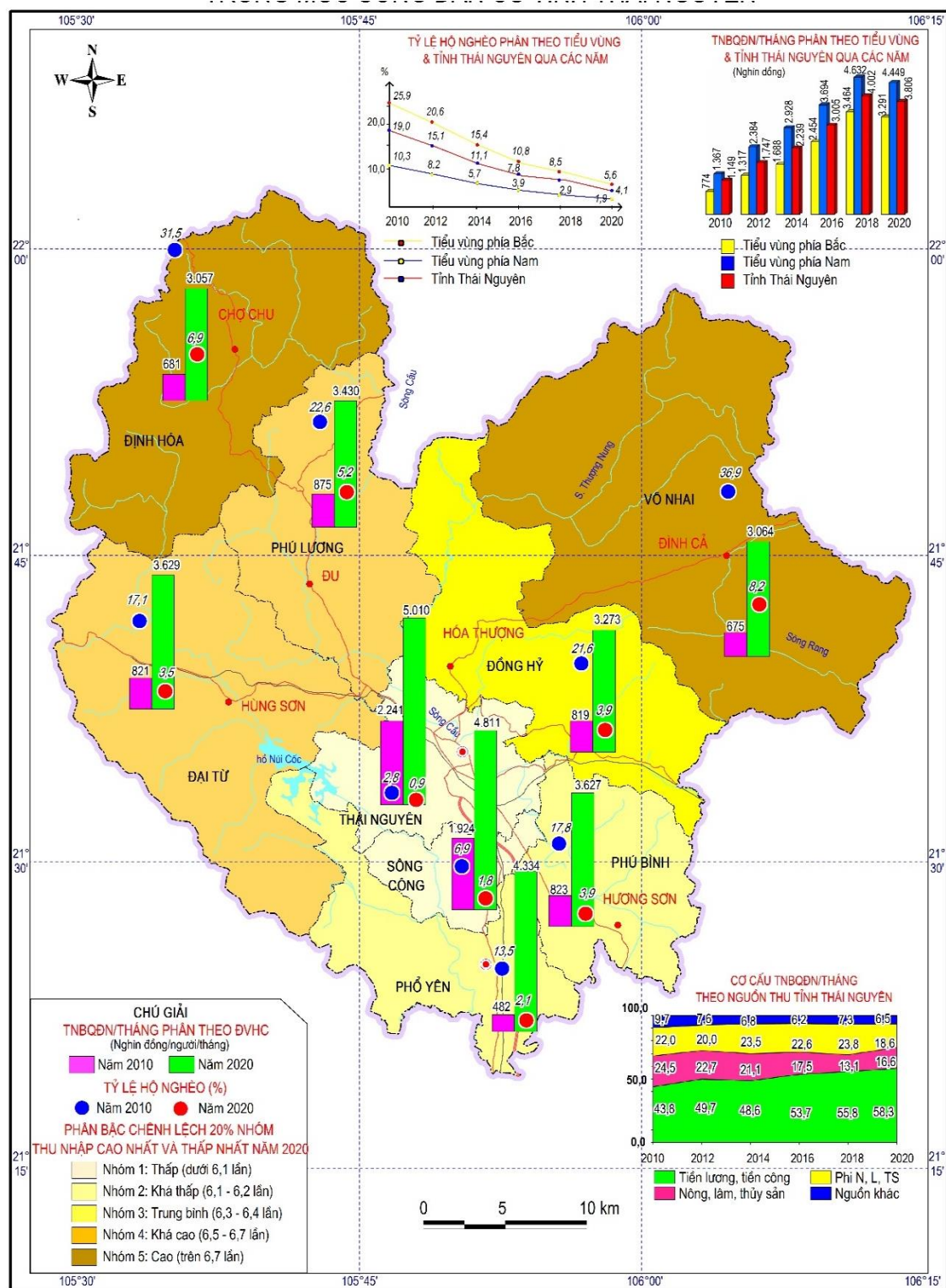
Về TNBQĐN/tháng, tỉnh Thái Nguyên ở vị trí 2/14 tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc và đứng thứ 12/63 tỉnh, thành phố cả nước. TNBQĐN/tháng của tỉnh Thái Nguyên tăng liên tục trong giai đoạn 2010 - 2020 nhờ thu hút vốn đầu tư nước ngoài tạo động lực cho kinh tế phát triển nhanh, nâng cao năng suất lao động. Tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, ban hành nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp, động lực chính thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá – hiện đại hoá; phát triển nông nghiệp, nhất là đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Cơ cấu ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, đóng góp lớn vào tăng trưởng và quy mô kinh tế của tỉnh, góp phần quan trọng nâng cao GRDP/người và tạo thêm nhiều việc làm cho lao động. Sản xuất có nhiều đổi mới, chuyển mạnh phương thức truyền thống sang ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ góp phần nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm và thu nhập của người dân.

Sự phân hóa giàu nghèo

TNBQĐN/tháng của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 – 2020 có sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn. Khu vực thành thị có TNBQĐN cao hơn khu vực nông thôn do cơ cấu nguồn thu ở khu vực thành thị đa dạng và có năng suất cao hơn khu vực nông thôn. Tuy nhiên, sự chênh lệch này dao động ít, trong khoảng từ 1,7 - 1,9 lần, tương đương mức trung bình của cả nước và vùng Trung du và miền núi phía Bắc.

TNBQĐN/tháng ở tỉnh Thái Nguyên có sự phân hóa theo lãnh thổ. TNBQĐN/tháng phân theo đơn vị hành chính ở tỉnh Thái Nguyên cơ bản tăng, riêng năm 2020 giảm do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Thành phố Thái Nguyên có thu nhập cao nhất (năm 2010 là 5.015 nghìn đồng, tiếp đến là Thành phố Sông Công 4.811 nghìn đồng, thấp nhất huyện Định Hóa (3.057 nghìn đồng) và huyện Võ Nhai (3.167 nghìn đồng), các huyện còn lại dao động từ 3.200 nghìn đồng đến trên 3.600 nghìn đồng [12].

Sự phân hóa ở tỉnh Thái Nguyên còn thể hiện ở chênh lệch thu nhập giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất.



Hình 1. Bản đồ một số chỉ tiêu kinh tế trong mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên
(Nguồn: Tác giả thành lập trên cơ sở số liệu từ [8])

Bảng 2. Chênh lệch thu nhập giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất ở tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010 - 2020

Năm	Thu nhập bình quân đầu người/tháng nhóm thu nhập thấp nhất (nghìn đồng)	Thu nhập bình quân đầu người/tháng nhóm thu nhập cao nhất (nghìn đồng)	Chênh lệch thu nhập giữa 20% số người có mức thu nhập cao nhất so với 20% số người có mức thu nhập thấp nhất
2010	357,9	2682,7	7,5
2012	499,4	3865,2	7,7
2014	636,0	4924,5	7,7
2016	890,2	6854,5	7,7
2018	1161,1	9822,0	8,5
2020	1157,8	7408,6	6,4

(Nguồn: tác giả xử lý từ [8])

Mức chênh lệch giữa 20% nhóm hộ thu nhập cao nhất với 20% nhóm hộ thu nhập thấp nhất của tỉnh Thái Nguyên có sự biến động, từ 7,5 lần năm 2010 giảm còn 6,4 lần năm 2020 và có sự khác biệt giữa hai tiểu vùng. Tiểu vùng phía Bắc có sự chênh lệch cao hơn tiểu vùng phía Nam. Theo đơn vị hành chính cấp huyện, năm 2010, mức chênh lệch dao động trong khoảng từ 7,2 lần đến 8,1 lần, trong đó cao nhất là các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Đại Từ (bằng mức TB toàn tỉnh là 7,5 lần). Đến năm 2020, các huyện Võ Nhai, Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ có mức chênh lệch cao hơn mức TB toàn tỉnh. H. Đồng Hỷ bằng mức TB toàn tỉnh là 6,4 lần, các đơn vị hành chính còn lại mức chênh lệch thấp hơn 6,4 lần trung bình toàn tỉnh Thái Nguyên.

Tỉ lệ hộ nghèo

Số hộ nghèo và tỉ lệ hộ nghèo ở tỉnh Thái Nguyên giảm đáng kể trong giai đoạn 2010 - 2020, do kinh tế phát triển, TNBQĐN/tháng tăng lên, từ 19,0% hộ nghèo năm 2010 giảm còn 4,1% năm 2020.

Tỉ lệ hộ nghèo phân theo đơn vị hành chính cấp huyện đều giảm và có sự khác nhau. Thành phố Thái Nguyên có tỉ lệ hộ nghèo thấp nhất năm 2020 chỉ 0,98%. Trong khi huyện Võ Nhai có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất 8,22%, gấp hơn 2 lần so với mức trung bình của tỉnh Thái Nguyên, cao hơn 3,42% so với mức trung bình của Việt Nam. Nguyên nhân có sự phân hoá là do thành phố Thái Nguyên và các đơn vị hành chính thuộc tiểu vùng phía Nam có thể mạnh với địa hình bằng phẳng, ít có sự phân hóa, đất đai màu mỡ cho phát triển nông nghiệp cùng điều kiện kinh tế - xã hội có nhiều thuận lợi như thu hút nguồn vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư nước ngoài; có nhiều khu công nghiệp tập trung với cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng có giá trị đáng kể và là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tỉ lệ nghèo thấp. Các đơn vị hành chính thuộc khu vực tiểu vùng phía Bắc nguồn thu chủ yếu từ nông, lâm, thủy sản và trong thời gian gần đây đã được quan tâm đầu tư khá nhiều với dự án lớn nhất là khai thác khoáng sản ở Núi Pháo (H. Đại Từ); nhiều hoạt động nông nghiệp theo hướng công nghệ cao bắt đầu được chú trọng phát triển ở H. Đồng Hỷ, H. Võ Nhai làm cho bộ mặt kinh tế có nhiều nét khởi sắc góp phần làm giảm tỉ lệ nghèo. Song, có một thực tế là hệ thống cơ sở hạ tầng của các huyện Võ Nhai, Định Hoá, Phú Lương còn lạc hậu, thiếu và yếu; trình độ lao động thấp, là địa bàn cư trú của phần lớn người dân tộc thiểu số nên tỉ lệ nghèo cao hơn so với thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công... [9].

2.2.2. Nhóm chỉ tiêu giáo dục - đào tạo

Trong giai đoạn 2010 - 2020, tỉ lệ đi học chung và tỉ lệ đi học đúng tuổi ở tỉnh Thái Nguyên tăng lên do các chính sách phổ cập giáo dục, nâng cao trình độ dân trí cho người dân,

có sự quan tâm đặc biệt đến khu vực nông thôn và các vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Tỷ lệ đi học đúng tuổi năm 2010 giảm dần theo các cấp học, cao nhất là Tiểu học, tiếp đến là cấp Trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông lần lượt là: 97,6%; 91,5% và 63,3%. Năm 2020, tỷ lệ đi học đúng tuổi tương đối đều nhau, đạt tỷ lệ khá cao. Thực tế, tỷ lệ đi học đúng tuổi luôn thấp hơn tỷ lệ đi học chung, do một số trẻ đến tuổi đi học nhưng không được đi học. Đồng thời, càng lên cấp học cao thì tỷ lệ nhập học càng giảm do học sinh bỏ học giữa chừng [10].

Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, sự phân bố các trường phổ thông và khoảng cách đi lại từ nhà đến trường của học sinh khá thuận tiện tuy có sự phân hóa giữa các địa phương. Trên cơ sở số liệu thu thập, tác giả đã tính khoảng cách trung bình từ trung tâm xã đến trường phổ thông gần nhất mà phần lớn số học sinh của xã theo học là 6,6 km.

Khoảng cách trung bình từ trung tâm xã đến điểm trường:

- Gần nhất: Thành phố Thái Nguyên (3,3km) và Thành phố Sông Công (3,6km), Thành phố Phổ Yên (4,5km).

- Trung bình: các huyện Đồng Hỷ (6,8km), Phú Bình (6,4km), Đại Từ (7,4km), Phú Lương (8,1km).

- Xa: các huyện Định Hóa (8,4km), Võ Nhai (11,2km).

Tuy nhiên, cá biệt có những xã có khoảng cách trung bình từ trường phổ thông đến các trung tâm xã xa nhất là: xã Linh Thông – huyện Định Hóa (16,8km); xã Phú Đô – huyện Phú Lương (16,8km), các xã của huyện Võ Nhai như: xã Sảng Mộc (25,1km), xã Nghinh Tường (22,1km), xã Thần Sa (21,8km) [10].

3 đơn vị hành chính là Thành phố Thái Nguyên, Thành phố Sông Công, Thành phố Phổ Yên học sinh tiếp cận các trường phổ thông rất thuận lợi, khoảng cách gần, di chuyển dễ dàng, quãng đường ngắn. Huyện có khả năng tiếp cận các trường phổ thông khó khăn nhất là huyện Võ Nhai 11,2km (cao gấp gần 2 lần mức trung bình tỉnh Thái Nguyên). Về số lượng xã có khoảng cách học sinh tiếp cận các trường phổ thông trên 10 km, huyện Định Hóa có 9/24 xã; huyện Võ Nhai có 9/15 xã. Đặc biệt, huyện Võ Nhai có 3 xã có khoảng cách tiếp cận các trường phổ thông trên 20km. Quãng đường xa ảnh hưởng đến thời gian di chuyển do vậy, nhiều học sinh các huyện trên phải thuê trọ. Tuy nhiên, do cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng nên đã cải thiện đáng kể khả năng tiếp cận cơ sở giáo dục ở các xã đó

2.2.3. Nhóm chỉ tiêu y tế - chăm sóc sức khỏe

Do quy mô dân số và nhu cầu khám chữa bệnh của người dân ngày càng tăng nên chỉ tiêu số bác sĩ/1 vạn dân và số giường bệnh/1 vạn dân cũng thay đổi theo hướng tích cực.

Về chỉ tiêu số bác sĩ/1 vạn dân của toàn tỉnh từ 10,7 bác sĩ/1 vạn dân năm 2010 tăng lên 16,7 bác sĩ/1 vạn dân năm 2020, cao hơn nhiều so với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc và cả nước (năm 2020, số bác sĩ/1 vạn dân của tỉnh Thái Nguyên cao gấp 1,5 lần của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; gấp 1,9 lần TB cả nước) [8 và 11].

Chỉ tiêu số giường bệnh/1 vạn dân cũng tăng liên tục, từ 35,0 giường bệnh/1 vạn dân năm 2010 lên 52,0 giường bệnh/1 vạn dân năm 2020, cao gấp 1,2 lần vùng Trung du và miền núi phía Bắc, cao gấp 1,8 lần so với cả nước. Điều này cho thấy sự quan tâm đầu tư của nhà nước và chính quyền địa phương cho công tác y tế và chăm sóc sức khỏe của người dân.

Theo đơn vị hành chính, Thành phố Thái Nguyên có số bác sĩ/1 vạn dân và số giường bệnh/1 vạn dân cao nhất, tiếp sau là Thành phố Sông Công. Các đơn vị hành chính cấp huyện còn lại đều thấp hơn mức trung bình toàn tỉnh về hai chỉ tiêu số bác sĩ/1 vạn dân và số giường bệnh/1 vạn dân. Chỉ tiêu số bác sĩ/1 vạn dân theo đơn vị hành chính thấp nhất là huyện Đại Từ (3,6 bác sĩ/1 vạn dân năm 2020) và huyện Phú Bình (3,8 bác sĩ/1 vạn dân năm 2020). Chỉ tiêu số giường bệnh/1 vạn dân thấp nhất là huyện Phú Bình (22,9 giường bệnh /1 vạn dân) và huyện Đại Từ (23,0 giường bệnh/1 vạn dân). Các huyện Võ Nhai, Định Hóa, Phú Lương, Đồng Hỷ,

Thành phố Phổ Yên mặc dù các chỉ tiêu đều cao hơn huyện Đại Từ và huyện Phú Bình nhưng hệ thống y tế nói chung vẫn còn nhiều mặt hạn chế [11].

Tất cả các xã, phường, thị trấn ở tỉnh Thái Nguyên đều có trạm y tế. Khoảng cách tiếp cận trạm y tế trung bình là 0,8km. Khoảng cách trung bình từ trung tâm xã đến bệnh viện đa khoa huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên là 10,2km. Trong đó có 2/180 xã, phường, thị trấn có khoảng cách trên 40km là xã Sảng Mộc và xã Nghinh Tường (huyện Võ Nhai). Có 3 xã (đều của huyện Võ Nhai) có khoảng cách trên 30km; 13 xã có khoảng cách trên 20km và 52 xã có khoảng cách trên 10km. Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có 51/180 xã, phường, thị trấn có khoảng cách tiếp cận cơ sở y tế dưới 5km, trong đó 7/51 xã, phường, thị trấn có khoảng cách dưới 1km [11].

Khoảng cách trung bình từ trung tâm các xã, phường, thị trấn đến bệnh viện Trung ương Thái Nguyên là 27,4km. Chỉ có 2/180 xã, phường, thị trấn cách trên 60km, xa nhất là xã Linh Thông (huyện Định Hóa) với 68,2km; có 17/180 xã, phường, thị trấn cách trên 50km (huyện Định Hóa có 16/17 xã); 19/180 xã, phường, thị trấn cách trên 40km. Có 29/180 xã, phường, thị trấn cách dưới 10km. Trong đó, Thành phố Thái Nguyên có khả năng tiếp cận thuận lợi nhất (có 27/180 xã, phường có khoảng cách dưới 10km) [11].

Với những bệnh nhẹ, thông thường, người dân có thể đến các trạm y tế để khám và điều trị. Các huyện, thành phố đều có các trung tâm y tế cấp huyện, thành phố. Về cơ bản, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh và phục hồi chức năng của tỉnh Thái Nguyên khá tốt. Tuy nhiên, với các bệnh nặng và phức tạp hơn, người dân đến các bệnh viện tuyến trên. Khả năng tiếp cận y tế của khu vực TP, các đô thị thuận tiện và chất lượng dịch vụ y tế tốt hơn so với khu vực vùng núi cao, đường xá đi lại khó khăn, cơ sở hạ tầng yếu kém.

2.2.4. Nhóm chỉ tiêu hỗ trợ

Trong giai đoạn 2010-2020, các chỉ tiêu hỗ trợ như tỉ lệ hộ có nhà ở kiên cố, tỉ lệ hộ sử dụng mạng lưới điện ở tỉnh Thái Nguyên đều được cải thiện do kinh tế phát triển, có việc làm nhiều, thu nhập tăng lên, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật được đầu tư xây dựng tiến tới đồng bộ và hoàn chỉnh.

Tỉ lệ các hộ có nhà ở kiên cố của tỉnh Thái Nguyên tăng từ 67,1% năm 2010 lên 68,5% năm 2020. Tỉ lệ nhà bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà tạm và nhà khác chiếm 31,5%. Tỉ lệ nhà thiếu kiên cố, nhà tạm và nhà khác giảm rất nhanh, trong đó, tỉ lệ nhà thiếu kiên cố giảm còn 0,7%, tỉ lệ nhà tạm giảm còn 1,0%. Tỉ lệ nhà bán kiên cố tăng lên từ 20,3% năm 2010 lên 29,7% năm 2020 do chuyển từ nhà thiếu kiên cố, nhà tạm lên nhà bán kiên cố. [8]

Tỉ lệ dân sử dụng điện lưới ở tỉnh Thái Nguyên cũng nâng cao rõ rệt từ 98,6% năm 2010 lên 100% năm 2020. Tỉnh Thái Nguyên có nhiều nhà máy điện phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân như nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn (115MW), nhà máy thủy điện hồ Núi Cốc (1,89MW), Nhà máy nhiệt điện An Khánh (116MW), Dự án nhà máy phát triển năng lượng Trina Solar, Nhà máy sản xuất khí công nghiệp Messer Hải Phòng - Thái Nguyên 2...[12].

2.2.5. Đánh giá thực trạng mức sống dân cư ở tỉnh Thái Nguyên

Đánh giá theo các tiêu chí

Để đánh giá MSDC của tỉnh Thái Nguyên, tác giả bài báo đặt đối tượng trong sự so sánh với vùng Trung du và miền núi phía Bắc ở Bảng 3 bên dưới.

Căn cứ trên các tiêu chí từ 1 đến 9 trong Bảng 3, tác giả đánh giá MSDC phân theo đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2020 xếp theo thang điểm từ 1 đến 5. Điểm 1 là giá trị thấp nhất trong thang điểm xếp hạng, điểm 5 là giá trị cao nhất trong thang điểm xếp hạng. Đơn vị hành chính nào càng đạt nhiều điểm 5 trong các tiêu chí càng chứng tỏ MSDC ở đó càng cao.

Bảng 3. Tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí MSDC của tỉnh Thái Nguyên so với vùng Trung du và miền núi phía Bắc năm 2020

TT	Tiêu chí	Giá trị	
		Tỉnh Thái Nguyên	Trung du và miền núi phía Bắc
1	Thu nhập bình quân đầu người/ tháng (nghìn đồng)	3806	2745
2	Chênh lệch 20% nhóm hộ thu nhập cao nhất và 20% nhóm hộ thu nhập thấp nhất (lần)	6,4	9,6
3	Tỉ lệ hộ nghèo (%)	4,1	14,4
4	Tỉ lệ nhập học tổng hợp (%)	98,4	92,0
5	Khoảng cách từ nhà đến trường	6,6	11,2
6	Số bác sĩ/1 vạn dân, số giường bệnh/1 vạn dân	16,7/52,0	11,3/42,8
7	Khoảng cách từ nhà đến cơ sở y tế (xã)	0,8	4,7
8	Tỉ lệ hộ dân có nhà ở kiên cố (%)	68,5	51,1
9	Tỉ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia (%)	100	98,2

(Nguồn: Tác giả xử lý từ [7] và [8])

Bảng 4. Tổng hợp kết quả đánh giá MSDC phân theo đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2020

TT	Đơn vị hành chính	Tiêu chí									Tổng
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Thành phố Thái Nguyên	5	5	5	5	5	5	5	5	5	45
2	Thành phố Sông Công	5	5	5	4	5	5	4	5	5	43
3	Thành phố Phổ Yên	4	4	4	5	4	3	3	4	5	36
4	Huyện Định Hóa	1	1	1	1	2	3	2	1	1	13
5	Huyện Phú Lương	3	2	2	2	2	2	3	2	3	21
6	Huyện Đồng Hỷ	2	3	3	2	3	3	2	3	2	23
7	Huyện Võ Nhai	1	1	1	1	1	3	1	1	1	11
8	Huyện Đại Từ	3	2	3	3	3	1	2	3	4	24
9	Huyện Phú Bình	3	4	3	3	3	2	3	3	4	28

(Nguồn: Tính toán của tác giả và google map)

Từ Bảng 4, tác giả phân hạng mức sống dân cư phân theo đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2020 như Bảng 5.

- Thành phố Thái Nguyên và Thành phố Sông Công là 2 đơn vị hành chính có MSDC cao.

Thành phố Thái Nguyên có mức sống cao nhất tỉnh Thái Nguyên. Đây là tỉnh lỵ của tỉnh Thái Nguyên và là nơi tập trung các cơ quan đoàn thể, các cơ quan hành chính, trung tâm kinh tế - văn hóa – xã hội của tỉnh Thái Nguyên và vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Tuy nhiên, một số tiêu chí cần cải thiện để MSDC đảm bảo toàn diện như tiêu chí (2) chênh lệch 20% nhóm hộ có thu nhập cao nhất với 20% nhóm hộ có thu nhập thấp nhất, sự phân hóa giàu nghèo cần có chính sách để giảm bớt chênh lệch. Thành phố Sông Công, tuy không phải là tỉnh lỵ của

tỉnh Thái Nguyên nhưng kinh tế phát triển chỉ đứng sau Thành phố Thái Nguyên. Mọi mặt văn hóa, xã hội được chú trọng đầu tư, nhất là từ năm 2015 (Thành phố Sông Công nâng hạng từ Thị xã Sông Công). Thành phố Sông Công là địa bàn hấp dẫn các nhà đầu tư, thu hút nhiều lao động, tập trung các khu công nghiệp, xí nghiệp, cơ sở sản xuất,... Song, Thành phố Sông Công cần cải thiện các tiêu chí (2), (7).

Bảng 5. Kết quả phân hạng mức sống dân cư phân theo đơn vị hành chính cấp huyện tỉnh Thái Nguyên năm 2020

TT	Đơn vị hành chính	Điểm tổng	Khoảng cách nhóm (điểm)	Nhóm MSDC
1	Thành phố Thái Nguyên	45	Trên 40	Cao
2	Thành phố Sông Công	43		
3	Thành phố Phổ Yên	36	30 – 40	Khá cao
4	Huyện Phú Bình	28	24 – 29	Trung bình
5	Huyện Đồng Hỷ	23		
6	Huyện Đại Từ	24		
7	Huyện Phú Lương	21	20 - 23	Khá thấp
8	Huyện Định Hóa	13	Dưới 20	Thấp
9	Huyện Võ Nhai	11		

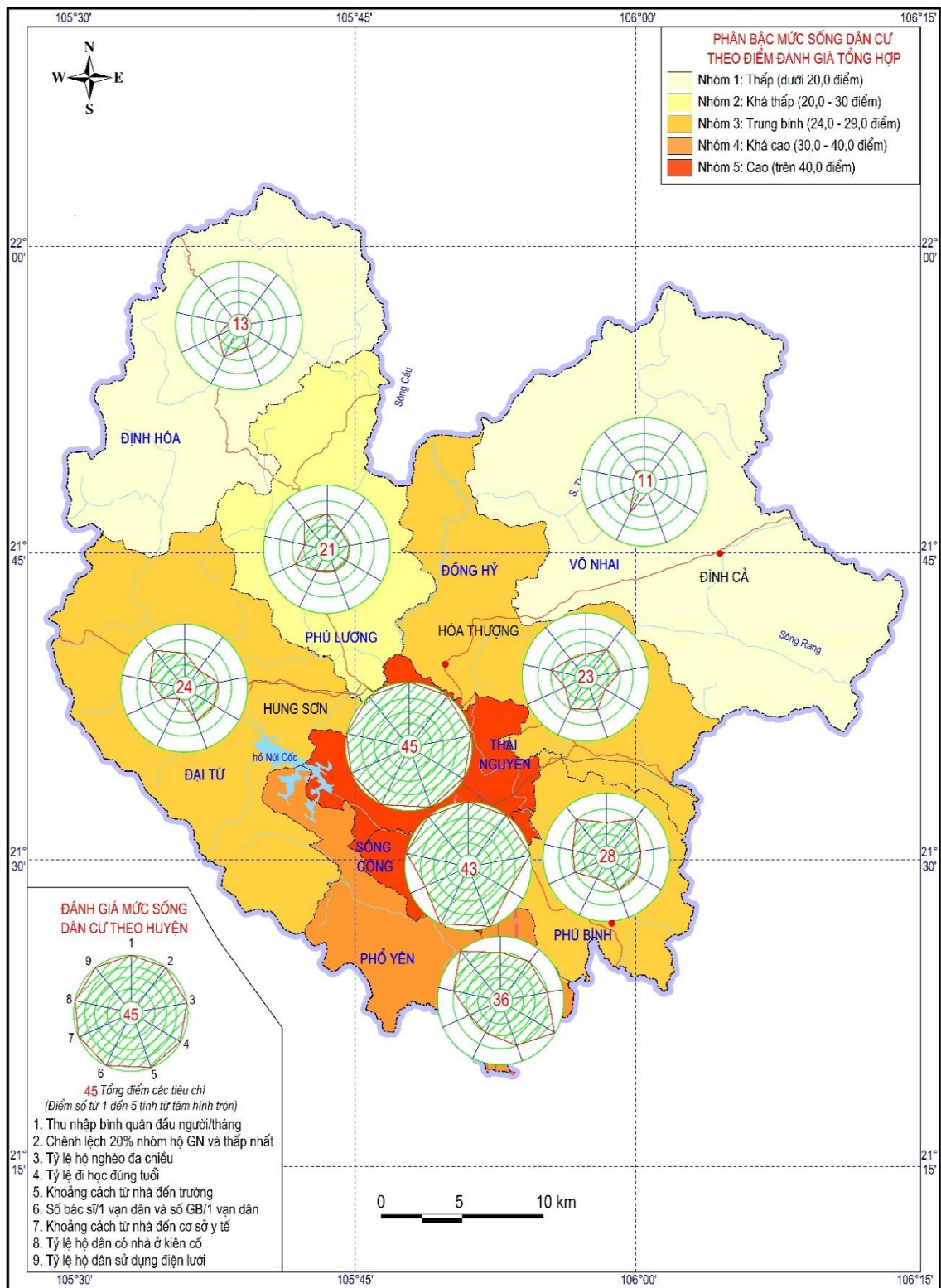
(Nguồn: Tác giả xử lý)

- Thành phố Phổ Yên có MSDC khá cao ở tỉnh Thái Nguyên. Thành phố Phổ Yên được nâng hạng từ Thị xã Phổ Yên tháng 4 năm 2022, năm 2013 nhà máy Samsung đặt tại khu công nghiệp Yên Bình đi vào hoạt động làm cho bộ mặt của Thị xã Phổ Yên thay đổi đáng kể. TNBQĐN/tháng tăng cao, được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng hiện đại, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Các hoạt động kinh tế từ nông nghiệp, công nghiệp đến dịch vụ đều chuyển dịch theo hướng tích cực. Thành phố Phổ Yên vẫn tập trung vào các tiêu chí (2), (6), (7) để cải thiện MSDC.

- Nhóm MSDC trung bình gồm các huyện Phú Bình, Đồng Hỷ và Đại Từ. Ba huyện này có diện tích rộng, dân cư đông, hoạt động công nghiệp (huyện Phú Bình, huyện Đồng Hỷ), nông nghiệp (huyện Đại Từ) khá phát triển. Trong thời gian gần đây, tỉnh Thái Nguyên tập trung nguồn vốn và xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật nên các huyện có sự chuyển dịch tích cực, góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn lực của địa phương, từ nguồn lực tự nhiên đến dân cư, lao động. Tuy nhiên, MSDC của ba huyện này cần phải thiện tiêu chí (1), (3), (4), (7), (9).

- Huyện có MSDC khá thấp là huyện Phú Lương. Nguyên nhân đây là huyện có bộ phận đông bào dân tộc thiểu số sinh sống ở những khu vực điều kiện đi lại khó khăn. Đồng thời, khả năng thu hút vốn đầu tư thấp, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ các hoạt động kinh tế còn hạn chế chưa tạo ra được việc làm cho lao động để tăng thu nhập cho người dân. Mặc dù vậy, trong việc nâng cao mọi mặt MSDC, huyện Phú Lương cần tập trung cải thiện các tiêu chí (2), (3), (4), (5), (9).

- Nhóm MSDC thấp gồm huyện Định Hóa và huyện Võ Nhai. Đây là hai huyện miền núi và vùng cao và là hai huyện nghèo nhất tỉnh Thái Nguyên. Đây là địa bàn cư trú của đông đảo người dân tộc thiểu số, điều kiện tự nhiên khó khăn, nhiều xã thuộc vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng còn thiếu và yếu. Hoạt động kinh tế chính là nông nghiệp, các ngành công nghiệp và dịch vụ kém phát triển.



Hình 2. Bản đồ đánh giá tổng hợp mức sống dân cư tỉnh Thái Nguyên
(Nguồn: Tác giả thành lập)

Giáo dục, y tế ở hai huyện miền núi Định Hóa Võ Nhai đều kém hơn so với các đơn vị hành chính cấp huyện khác của tỉnh Thái Nguyên. Đặc biệt, khoảng cách chênh lệch khá xa ở nhiều tiêu chí về MSDC so với Thành phố Thái Nguyên và Thành phố Sông Công. Do vậy, phần lớn các tiêu chí đều cần thiết phải cải thiện. Tuy nhiên, rất khó để cùng lúc tập trung vào các tiêu chí đó, thứ tự ưu tiên lần lượt cho các tiêu chí là (1), TNBQĐN/ tháng, (3) tỉ lệ hộ nghèo, (7) số bác sĩ/1 vạn dân, số giường bệnh/1 vạn dân. Kế đó đến tiêu chí (8) tỉ lệ hộ dân có nhà ở kiên cố.

3. Kết luận

Bài báo đã phân tích, luận giải bức tranh toàn cảnh MSDC tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn 2010 - 2020. Tuy nhiên, hiện nay mức sống của người dân Thái Nguyên vẫn còn thấp so với nhiều địa phương trong cả nước và có sự chênh lệch về mức sống giữa thành thị với nông thôn, giữa các nhóm thu nhập, giữa khu vực trung du với miền núi. Đặc biệt, khoảng cách giàu nghèo có xu hướng ngày càng tăng. Do đó, việc phối hợp đồng bộ các giải pháp nâng cao MSDC, thu hẹp khoảng cách chênh lệch mức sống giữa các tầng lớp dân cư là việc làm cần thiết. Trong đó, then chốt là nhóm giải pháp kinh tế kinh tế, kết hợp nhóm giải pháp giáo dục – đào tạo, nhóm giải pháp y tế và nhóm giải pháp hỗ trợ để nâng cao mức sống theo hướng mở rộng bao phủ đến mọi người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Quốc Hội, 2010. “Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bất bình đẳng thu nhập: lí thuyết và thực tiễn Việt Nam”. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế* số 380 tháng 1/2010, tr.14-21.
- [2] Nguyễn Thị Thơm, 2020. “Tăng trưởng kinh tế với nâng cao mức sống dân cư: lí luận và thực tiễn Việt Nam”. *Tạp chí Lí luận Chính trị* số 2/2020.
- [3] Nguyễn Hồng Sơn, Trần Quang Tuyền, 2014. “Nâng cao mức sống dân cư trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: Thành tựu và những thách thức đặt ra”. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và kinh doanh*, Tập 30, Số 1(2014) 10-18.
- [4] Nguyễn Đức Tôn, 2020. “Sự phân hoá MSDC theo tiểu vùng ở Bình Định”. *Tạp chí Khoa học Xã hội Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, tập 65, số 5 (2020), trang 93 – 107.
- [5] Nguyen Duc Ton, 2020. “Developing indicators and methods for evaluation of the people’s living standards in Binh Dinh province”. *Social Sciences Hanoi National University Education*, Vol 65, pp 188 – 203.
- [6] Hà Thúc Dũng, Lê Thị Mỹ, 2015. “Phân tầng mức sống giữa các nhóm dân cư trong quá trình đô thị hóa (Nghiên cứu trường hợp phường Cát Lái, quận 2, TPHCM)”. *Tạp chí Khoa học xã hội Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*, số 12 (208).
- [7] Tổng cục thống kê, 2011, 2016, 2019, 2021. *Niên giám thống kê Việt Nam năm 2010, 2015, 2018, 2020*. Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [8] Cục thống kê Thái Nguyên, 2011, 2016, 2019, 2021. *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2010, 2015, 2018, 2020*. Nxb Thống kê.
- [9] Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên, 2021. Chương trình giảm nghèo bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2011-2015; giai đoạn 2016-2020; định hướng giảm nghèo đến năm 2030, Thái Nguyên.
- [10] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên, 2011-2021. Báo cáo tổng kết tình hình phát triển giáo dục và đào tạo từ 2010 đến 2020, Thái Nguyên.

- [11] Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên, 2011-2021. *Thống kê y tế tỉnh Thái Nguyên từ 2010 đến 2020*, Thái Nguyên.
- [12] Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tỉnh Thái Nguyên, 2011-2021. *Báo cáo tổng kết tình hình phát triển kinh tế - xã hội từ năm 2010 đến năm 2020*, Thái Nguyên.

ABSTRACT

Research on the reality of living standards in Thai Nguyen province period 2010-2020

Nguyen Thanh Mai

Faculty of Geography, Thai Nguyen University of Education

Thai Nguyen province is located in the Northern Midlands and Mountains. Over the past ten years, the economy has undergone many positive changes, and people's living standards have improved day by day. However, the gap between the rich and the poor tends to increase, and the living standards of ethnic minorities and remote areas face many difficulties. This article focuses on studying the current situation of people's living standards in Thai Nguyen province from the period of 2010 – to 2020 through the application of problem analysis, synthesis, comparison, and synthetic scoring methods on the basis of an official database.

Keywords: reality, living standards, Thai Nguyen province, rich-poor divide, period 2010-2020.